



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

DULUX WEATHERSHIELD ROYAL SHINE

Phiếu an toàn hóa chất, Tên phân loại, tên sản phẩm

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Dấu hiệu nhận biết sản phẩm : DULUX WEATHERSHIELD ROYAL SHINE

Ứng dụng sản phẩm : Sơn phủ gốc nước ngoại thất.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH SƠN AKZO NOBEL VIỆT NAM

ĐT: (84 274) 356 7759

Website: www.dulux.vn

1. Sơn nước:

Sản xuất tại:

BD: Lô E-1-CN

KCN Mỹ Phước 2

Huyện Bến Cát

Tỉnh Bình Dương

2. Bột trét:

Sản xuất tại:

HN: Lô 48, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

HCM: Số 8, Kho Thủ Đức, Phường Trường Thọ,

Quận Thủ Đức

Thành phố Hồ Chí Minh

3. Sơn dầu Maxilite & Maxilite AC Red Primer

Sản xuất tại:

DN: Đường số 7, KCN Biên Hòa, Thành phố Biên

Hòa, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: (84 251) 393 6389

Địa chỉ email : info.vn@akzonobel.com

Số điện thoại khẩn cấp : Số điện thoại khẩn cấp nội địa (24 giờ/mỗi ngày):  
1900 555 561

Số điện thoại khẩn cấp dành cho nước ngoài (8:30 - 17:30/T2 - T6):  
+84 8 3822 1612

Số điện thoại của phòng dịch vụ khách hàng (8:30 -17:30/ T2 - T6):  
+84 8 38221612

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 2-7-2024

Phiên bản : 1

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

1/12

AkzoNobel

## II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2  
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

### Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Từ cảnh báo : Không có từ cảnh báo.  
Cảnh báo nguy cơ : H401 - Độc đối với sinh vật thủy sinh.  
H412 - Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

### Các công bố về phòng ngừa

Tổng quát : P102 - Tránh xa tầm với của trẻ em.  
P101 - Nếu cần tư vấn y tế, cần cầm theo bao bì hoặc nhãn sản phẩm.  
Ngăn chặn : P273 - Tránh thải ra môi trường.  
Phản ứng : Không áp dụng.  
Lưu trữ : Không áp dụng.  
Xử lý : P501 - Thải bỏ sơn và thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không biết chất nào.

## III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	%
diuron (ISO)	330-54-1	<0.25
3-iodo-2-propynyl butylcarbamate	55406-53-6	≤0.3
OIT	26530-20-1	<0.05

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

### Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.  
Hít phải : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở.  
Tiếp xúc ngoài da : Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.  
Nuốt phải : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy.

### Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

#### Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
Tiếp xúc ngoài da : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

### Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt	: Không có thông tin cụ thể gì.
Hít phải	: Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	: Không có thông tin cụ thể gì.
Nuốt phải	: Không có thông tin cụ thể gì.

### Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	: Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
Điều trị cụ thể	: Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu	: Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp	: Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
Các chất chữa cháy không phù hợp	: Không biết chất nào.

### Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

: Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này độc đối với thủy sinh vật. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

### Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm

: Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:  
carbon dioxit  
carbon monoxit  
ôxít kim loại

### Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy

: Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

### Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu	: Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Cho các nhân viên cấp cứu	: Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".

### Đề phòng cho môi trường

: Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Đùng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đùng sử dụng lại bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ** : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đùng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Đùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thông số kiểm soát

#### Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
diuron (ISO)	<b>ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2022). Ghi chú: 1996 Adoption Refers to Appendix A -- Carcinogens.</b> TWA: 10 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ.

- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Nên kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Nên sử dụng kỹ thuật thích hợp để cởi bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính an toàn có tấm chắn bên hông.
- Bảo vệ da**
- Bảo vệ tay** : Nên luôn luôn mang bao tay chống hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
- Bảo vệ thân thể** : Nên chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào công việc đang thực hiện và các rủi ro có liên quan nên được chuyên gia phê duyệt trước khi thao tác sản phẩm này.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng thiết bị bảo hộ hô hấp theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác. Đánh giấy nhám khô, cắt bằng lửa và/hoặc hàn trên lớp sơn khô sẽ gây bụi và/hoặc mùi hơi độc. Nên dùng giấy nhám ướt/chà mát chất bóng bằng nước khi có thể được. Nếu không tránh được sự tiếp xúc với hơi độc do điều kiện hệ thống thoát khí thải cục bộ, nên dùng trang bị hô hấp bảo vệ thích hợp.

## IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

### Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng.
- Màu sắc** : Màu trắng.
- Mùi** : Đặc tính.
- Ngưỡng về mùi** : Không có sẵn.
- pH** : 9 [Mật độ (% trọng lượng / trọng lượng): 1%] [DIN EN 1262]
- Điểm chảy/điểm đông** : Không có sẵn.
- Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi** : 100°C (212°F)
- Điểm bùng cháy** : Cốc đậy kín: Không áp dụng. [Pensky-Martens]
- Khả năng cháy** : Không có sẵn.
- Giới hạn nổ dưới và trên** : Mức độ lớn nhất được biết: Thấp hơn: 2.6% Trên: 12.6% (propane-1,2-diol)
- Áp suất hóa hơi** : Không có sẵn.
- Mật độ hơi tương đối** : Không có sẵn.
- Mật độ tương đối** : 1.195

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 2-7-2024

Phiên bản : 1

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

5/12

**AkzoNobel**

## IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

<b>Độ hòa tan trong nước</b>	: Không có sẵn.
<b>Hệ số phân chia nước/Octanol</b>	: Không áp dụng.
<b>Nhiệt độ tự cháy</b>	: Không có sẵn.
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	: Không có sẵn.
<b>Tính dẻo</b>	: Động lực học (nhiệt độ phòng): 2475 mm <sup>2</sup> /s (2475 đơn vị cSt) [DIN EN ISO 3219] Động lực học (40°C (104°F)): 1250 mm <sup>2</sup> /s (1250 đơn vị cSt) [DIN EN ISO 3219]

### Đặc tính hạt

**Kích thước hạt trung bình** : Không áp dụng.

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

<b>Khả năng phản ứng</b>	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
<b>Tính ổn định</b>	: Sản phẩm ổn định.
<b>Khả năng gây các phản ứng nguy hại</b>	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
<b>Tình trạng cần tránh</b>	: Không có thông tin cụ thể gì.
<b>Các vật liệu không tương thích</b>	: Không có thông tin cụ thể gì.
<b>Sản phẩm phân rã có môi nguy</b>	: Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Thông tin về các tác dụng độc

#### Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
diuron (ISO)	LD50 Ngoài da	Chuột	>5 g/kg	-
	LD50 Vào trong màng bụng	Chuột	500 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	1 g/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	1017 mg/kg	-
	LD50 Không thấy báo cáo về đường phơi nhiễm	Chuột	3400 mg/kg	-
3-iodo-2-propynyl butylcarbamate OIT	LD50 Đường miệng	Chuột	1470 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	690 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	550 mg/kg	-

#### Kích ứng/Ấn mồn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
OIT	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	100 mg	-

#### Nhạy cảm

Không có sẵn.

#### Tính đột biến

Không có sẵn.

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 2-7-2024

Phiên bản : 1

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

6/12

**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Tính gây ung thư**

Không có sẵn.

**Độc tính sinh sản**

Không có sẵn.

**Độc tính gây quái thai**

Không có sẵn.

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)**

Không có sẵn.

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)**

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
diuron (ISO) 3-iodo-2-propynyl butylcarbamate	Loại 2 Loại 1	- -	- thanh quản

**Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa**

Không có sẵn.

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Hít phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Tiếp xúc ngoài da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Nuốt phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính**

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài****Phơi nhiễm ngắn hạn**

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.  
**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Phơi nhiễm lâu dài**

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.  
**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn**

Không có sẵn.

- Tổng quát** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Tính gây ung thư** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

**Độc tính sinh sản** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Các số liệu đo lường độ độc****Các giá trị ước tính độ độc cấp tính**

Tên sản phẩm/thành phần	Đường miệng (mg/kg)	Ngoài da (mg/kg)	Hít vào (các chất khí) (ppm)	Hít vào (các chất hơi) (mg/l)	Hít vào (bụi và các thể lơ lửng) (mg/l)
diuron (ISO)	500	N/A	N/A	N/A	N/A
3-iodo-2-propynyl butylcarbamate	500	N/A	N/A	N/A	0.5
OIT	100	300	N/A	0.5	N/A

**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****Độc Tính**

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
diuron (ISO)	Cấp tính EC50 0.0013 mg/l Nước ngọt	Tảo - Chlorella pyrenoidosa	96 giờ
	Cấp tính EC50 0.0023 mg/l Nước ngọt	Tảo - Chlorella pyrenoidosa	96 giờ
	Cấp tính EC50 2.26 µg/l Nước biển	Tảo - Coccolithus huxleyi - Giai đoạn tăng trưởng cấp số mũ	72 giờ
	Cấp tính EC50 0.0007 mg/l Nước ngọt	Tảo - Pseudokirchneriella subcapitata	96 giờ
	Cấp tính EC50 2.4 ppb Nước ngọt	Tảo - Pseudokirchneriella subcapitata	96 giờ
	Cấp tính EC50 7.6 µg/l Nước ngọt	Thảo mộc trong nước - Lemna aquinoctialis	72 giờ
	Cấp tính EC50 0.005 mg/l Nước ngọt	Thảo mộc trong nước - Lemna sp.	96 giờ
	Cấp tính EC50 1000 µg/l Nước ngọt	Loài tôm cua - Ceriodaphnia dubia - Sơ sinh	48 giờ
	Cấp tính EC50 1700 µg/l Nước ngọt	Loài tôm cua - Ceriodaphnia dubia - Sơ sinh	48 giờ
	Cấp tính EC50 8.6 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính EC50 8.6 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính EC50 8.6 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna - Sơ sinh	48 giờ
	Cấp tính EC50 7.2 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna - Sơ sinh	48 giờ
	Cấp tính EC50 8.4 ppm Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính LC50 1800 µg/l Nước ngọt	Loài tôm cua - Gammarus fasciatus - Giai đoạn kết sao	48 giờ
	Cấp tính LC50 380 µg/l Nước ngọt	Loài tôm cua - Gammarus lacustris	48 giờ
	Cấp tính LC50 3044 µg/l Nước biển	Loài tôm cua - Palaemon serratus - Ấu trùng dạng Zoea	48 giờ
	Cấp tính LC50 2900 µg/l Nước ngọt	Cá - Cyprinus carpio - Cá mới nở	96 giờ
	Cấp tính LC50 3100 µg/l Nước ngọt	Cá - Morone saxatilis	96 giờ
	Cấp tính LC50 500 µg/l Nước ngọt	Cá - Morone saxatilis - Ấu trùng	96 giờ
Cấp tính LC50 1.95 ppm Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ	
Cấp tính LC50 1100 µg/l Nước ngọt	Cá - Salmonidae - Cá mới nở	96 giờ	
mãn tính NOEC 0.54 µg/l Nước biển	Tảo - Coccolithus huxleyi - Giai đoạn tăng trưởng cấp số mũ	72 giờ	
mãn tính NOEC 1.3 µg/l Nước biển	Tảo - Gracilaria tenuistipitata	4 ngày	

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 2-7-2024

Phiên bản : 1

Ngày phát hành lần trước

: Trước đây chưa thẩm định

8/12



**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

3-iodo-2-propynyl butylcarbamate	mãn tính NOEC 0.283 µg/l Nước biển	Tảo - Nitzschia pungens	96 giờ
	mãn tính NOEC 0.34 µg/l Nước biển	Thảo mộc trong nước - Halodule uninervis	72 giờ
	mãn tính NOEC 0.34 µg/l Nước biển	Thảo mộc trong nước - Zostera muelleri	72 giờ
	mãn tính NOEC 26.4 ppb	Cá - Pimephales promelas	60 ngày
	mãn tính NOEC 26.4 ppb	Cá - Pimephales promelas	60 ngày
	mãn tính NOEC 26.4 ppb	Cá - Pimephales promelas	60 ngày
	mãn tính NOEC 33.4 µg/l Nước ngọt	Cá - Pimephales promelas - Phôi	63 ngày
	Cấp tính EC50 956 ppb Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính EC50 0.16 ppm Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính LC50 500 ppb Nước ngọt	Loài tôm cua - Hyalella azteca	48 giờ
Cấp tính LC50 2920 ppb Nước biển	Loài tôm cua - Neomysis mercedis - Trưởng thành	48 giờ	
Cấp tính LC50 40 ppb Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ	
Cấp tính LC50 95 ppb Nước biển	Cá - Oncorhynchus kisutch - Non (Non nớt, Mới nở, Mới cai sữa)	96 giờ	
Cấp tính LC50 100 ppb Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss - Non (Non nớt, Mới nở, Mới cai sữa)	96 giờ	
Cấp tính LC50 72 ppb Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ	
Cấp tính LC50 67 ppb Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ	
Cấp tính LC50 67 µg/l Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss - Non (Non nớt, Mới nở, Mới cai sữa)	96 giờ	
OIT	mãn tính NOEC 8.4 ppb	Cá - Pimephales promelas	35 ngày
	Cấp tính EC10 0.000224 mg/l	Tảo - Navicula peliculosa	48 giờ
	Cấp tính EC50 0.084 mg/l	Tảo - Desmodesmus subspicatus	72 giờ
	Cấp tính EC50 0.00129 mg/l	Tảo - Navicula peliculosa	48 giờ
	Cấp tính EC50 0.42 mg/l	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính EC50 107 ppb Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính EC50 180 ppb Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính EC50 320 ppb Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ
	Cấp tính LC50 154 ppb Nước ngọt	Cá - Notemigonus crysoleucas	96 giờ
	Cấp tính LC50 47 ppb Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ
	Cấp tính LC50 50 ppb Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ
	Cấp tính LC50 65.5 ppb Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 giờ
	Cấp tính LC50 140 ppb Nước ngọt	Cá - Pimephales promelas	96 giờ
	mãn tính NOEC 8.5 ppb	Cá - Pimephales promelas	35 ngày

**Độ bền và khả năng phân hủy**

Không có sẵn.

**Khả năng tồn lưu**

Tên sản phẩm/thành phần	LogP <sub>ow</sub>	BCF	Tiềm năng
diuron (ISO)	2.84	5.2	thấp
OIT	2.45	-	thấp

**Khả năng phân tán qua đất**

Hệ số phân cách đất/nước (K<sub>oc</sub>) : Không có sẵn.

**Hậu quả xấu khác**

: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 2-7-2024

Phiên bản : 1

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

9/12

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**Các phương pháp thải bỏ** : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dụng dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần nên cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG
<b>Số UN</b>	Không quản lý.	Không quản lý.
<b>Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển</b>	-	-
<b>(các) nhóm nguy hại vận chuyển</b>	-	-
<b>Quy cách đóng gói</b>	-	-
<b>Mối nguy cho môi trường</b>	Không.	Không.

#### Thông tin bổ sung

**Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng** : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

**Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO** : Không có sẵn.

### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

**Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm** : Luật Hóa chất 06/2007/QH12  
Thông tư 32/2017/TT-BCT về Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP

**Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Hóa chất phải khai báo** : Có thể áp dụng

#### Quy định quốc tế

##### Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

##### Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 2-7-2024

Phiên bản : 1

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

10/12

## XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

### Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

### Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiệu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

### Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Lịch sử

**Ngày in** : 2-7-2024

**Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh** : 2-7-2024

**Ngày phát hành lần trước** : Trước đây chưa thẩm định

**Phiên bản** : 1

**Unique ID** : D2A5A60AAB0C1EEF8E8716913E5C10F1

### Bảng từ viết tắt

: ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính  
BCF = Hệ số nồng độ sinh học  
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu  
HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)  
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế  
IBC = Côngtenơ khổ trung  
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế  
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước  
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))  
N/A = Không có sẵn  
NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)  
SGG = Nhóm Phân tách  
UN = Liên hợp quốc

### Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3	Phương pháp tính toán

✔ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

### Người đọc lưu ý

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Thông tin trong bảng dữ liệu này (có thể được sửa đổi theo từng thời điểm) không dự trù được đầy đủ mọi khía cạnh và có độ tin cậy nhất định và được cho là đúng lúc nó được soạn thảo. Trách nhiệm của người sử dụng là xác minh rằng bảng dữ liệu này là hiện hành trước khi sử dụng sản phẩm mà nó liên quan.

Người sử dụng thông tin phải tự quyết định về sự phù hợp của sản phẩm có liên quan với mục đích của họ trước khi sử dụng. Trường hợp những mục đích này khác với những khuyến cáo cụ thể trong bảng dữ liệu an toàn này thì người sử dụng sẽ tự chịu rủi ro khi dùng sản phẩm.

**KHUYẾN CÁO TỪ NHÀ SẢN XUẤT:** các điều kiện, phương pháp và các yếu tố ảnh hưởng đến việc xử lý, lưu trữ, ứng dụng, sử dụng và hủy sản phẩm không thuộc thẩm quyền và kiến thức của nhà sản xuất. Do đó nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự kiện bất lợi nào có thể xảy ra trong việc xử lý, cất giữ, ứng dụng, sử dụng, lạm dụng hoặc hủy sản phẩm và, cho đến khi được luật pháp cho phép, nhà sản xuất sẽ từ chối trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ và tất cả các mất mát, thiệt hại và / hoặc chi phí phát sinh từ hoặc bằng cách nào đó liên quan đến việc lưu giữ, xử lý, sử dụng hoặc hủy sản phẩm. Việc xử lý, lưu trữ, sử dụng và hủy an toàn là trách nhiệm của người sử dụng. Người sử dụng phải tuân thủ tất cả các luật về sức khỏe và an toàn hiện hành.

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Trừ khi chúng tôi đã đồng ý ngược lại, tất cả các sản phẩm được cung cấp bởi chúng tôi tuân theo các điều khoản và điều kiện kinh doanh chuẩn của chúng tôi, bao gồm các giới hạn về trách nhiệm pháp lý. Hãy đảm bảo tham khảo những điều khoản này và / hoặc thỏa thuận liên quan mà bạn có với AkzoNobel (hoặc chi nhánh của nó, tùy từng trường hợp).

© AkzoNobel